



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Số: 127/CV-TCKT
(V/v: Giải trình chênh lệch giữa bc kiểm toán
so với bc tài chính đã công bố; lợi nhuận năm
2020 giảm hơn 10% so với 2019)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2021.

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Căn cứ vào Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sông Đà 6.

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội.

Công ty cổ phần Sông Đà 6 xin giải trình về việc chênh lệch các chỉ tiêu tài chính sau khi kiểm toán năm 2020 so với số liệu trên báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020 trước khi thực hiện kiểm toán, cụ thể như sau:

I. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu đã công bố	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
			Số cuối kỳ	Số cuối kỳ	
A	B	C	1	2	3=2-1
	TÀI SẢN				
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	283.649.028.374	283.264.165.231	(384.863.143)
II	Tài sản cố định	220	80.042.547.034	79.657.683.891	(384.863.143)
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(357.442.260.148)	(357.827.123.291)	(384.863.143)
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.353.901.881.977	1.353.517.018.834	(384.863.143)
	NGUỒN VỐN				
C	NỢ PHẢI TRẢ	300	895.804.819.026	896.085.899.224	281.080.198
1	Nợ phải trả	310	884.587.390.160	884.868.470.358	281.080.198
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	35.376.527.522	35.299.554.893	(76.972.629)
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	156.535.519.741	129.712.918.472	(26.822.601.269)
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	366.536.041.641	393.716.695.737	27.180.654.096
I	Vốn chủ sở hữu	410	458.097.062.951	457.431.119.610	(665.943.341)
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2.241.113.518	1575.170.177	(665.943.341)
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.353.901.881.977	1.353.517.018.834	(384.863.143)

Nguyên nhân chênh lệch:

1. Chỉ tiêu 200 - Tài sản dài hạn: Chênh lệch giảm 384.863.143 đồng, theo ý kiến của Kiểm toán độc lập điều chỉnh giảm là do một số tài sản cố định trích thiếu khấu hao theo quy định, Công ty đã trích bổ sung khấu hao tài sản cố định số tiền: 384.863.143 đồng.

2. Chỉ tiêu 220 - Tài sản cố định: Chênh lệch giảm 384.863.143 đồng, nguyên nhân như mục 1.

3. Chỉ tiêu 223 - Giá trị hao mòn lũy kế: Chênh lệch giảm 384.863.143 đồng, nguyên nhân như mục 1.

4. Chỉ tiêu 313 - Thuế và các khoản nộp nhà nước: Do Công ty trích bổ sung khấu hao tài sản cố định và hạch toán bổ sung tiền lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội, nên làm giảm lợi nhuận trước thuế, do vậy làm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm số tiền 76.972.629 đồng.

5. Chỉ tiêu 319 - Phải trả ngắn hạn khác: Chênh lệch giảm 26.822.601.269 đồng, theo ý kiến của kiểm toán độc lập, Công ty điều chỉnh tăng khoản tiền lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội số tiền là 358.052.827 đồng và điều chỉnh giảm mục Phải trả ngắn hạn khác sang mục Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn số tiền là 27.180.654.096 đồng.

6. Chỉ tiêu 320 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: Chênh lệch tăng số tiền 27.180.654.096 đồng, do điều chỉnh giảm mục Phải trả ngắn hạn khác sang mục Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

7. Chỉ tiêu 421 - Lợi nhuận chưa phân phối: Chênh lệch giảm 665.943.341 đồng, do đơn vị hạch toán trích bổ sung khấu hao tài sản cố định và hạch toán bổ sung tiền chậm nộp bảo hiểm xã hội.

8. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn giảm 384.863.143 đồng là do các khoản điều chỉnh trên.

II. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu đã công bố	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
A	B	C	1	2	3=2-1
1	Giá vốn hàng bán	11	523.597.032.246	523.980.613.820	383.581.574
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	98.061.234.050	97.677.652.476	(383.581.574)
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	51.683.529.695	51.684.811.264	1.281.569
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	741.611.639	356.748.496	(384.863.143)
5	Chi phí khác	32	1.685.531.743	2.043.584.570	358.052.827
6	Lợi nhuận khác	40	2.353.939.099	1.995.886.272	(358.052.827)
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	3.095.550.738	2.352.634.768	(742.915.970)
8	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	854.437.220	777.464.591	(76.972.629)
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	2.241.113.518	1.575.170.177	(665.943.341)
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	64	45	(19)

Nguyên nhân chênh lệch:

1. Chỉ tiêu 11 - Giá vốn hàng bán: Tăng 383.581.574 đồng, do Công ty trích bổ sung khấu hao tài sản cố định.
2. Chỉ tiêu 20 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Chênh lệch giảm 383.581.574 đồng, do Công ty trích bổ sung khấu hao tài sản cố định.
3. Chỉ tiêu 26 - Chi phí quản lý doanh nghiệp: Tăng 1.281.569 đồng, do Công ty trích bổ sung khấu hao tài sản cố định quản lý.
4. Chỉ tiêu 30 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: Giảm 384.863.143 đồng, do Công ty trích bổ sung khấu hao tài sản cố định.
5. Chỉ tiêu 32 - Chi phí khác: Tăng 358.052.827 đồng, do Công ty hạch toán bổ sung tiền lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội.
6. Chỉ tiêu 40 - Lợi nhuận khác: Giảm 358.052.827 đồng, do Công ty hạch toán bổ sung tiền lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội.
7. Chỉ tiêu 50 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: Giảm 742.915.970 đồng, do các khoản điều chỉnh trên làm giảm lợi nhuận kế toán trước thuế.
8. Chỉ tiêu 51 - Chi phí thuế TNDN hiện hành: Giảm 76.972.629 đồng, do các khoản điều chỉnh trên làm giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
9. Chỉ tiêu 60 - Lợi nhuận sau thuế TNDN: Giảm 665.943.341 đồng, do các khoản điều chỉnh trên làm giảm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.
10. Chỉ tiêu 70 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu: Giảm do lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm.
11. Lãi trên cổ phiếu:

Chỉ tiêu	Năm trước (trên Báo cáo kiểm toán năm 2019)	Năm trước (trên Báo cáo kiểm toán năm 2020)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.654.041.089	5.654.041.089
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	163	100
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	163	100

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước: Giảm từ 163 VNĐ xuống còn 100 VNĐ: Nguyên nhân do lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 23/06/2020, làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm.

III. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

TT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số liệu đã công bố	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	
A	B	C	1	2	3=2-1
1	Lợi nhuận trước thuế	01	3.095.550.738	2.352.634.768	(742.915.970)
2	Khấu hao TSCĐ & BĐSĐT	02	20.797.790.835	21.182.653.978	384.863.143
3	Các khoản dự phòng	03	601.147.490	(125.000.000)	(726.147.490)
4	Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.821.985)	(2.620.358.971)	(2.609.536.986)
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	68.695.646.732	65.001.909.429	(3.693.737.303)
6	Tăng giảm các khoản phải thu	09	47.050.355.440	44.123.194.007	(2.927.161.433)
7	Tăng giảm các khoản phải trả	11	(22.138.793.756)	(41.756.897.716)	(19.618.103.960)
8	Tiền lãi vay đã trả	14	(44.211.979.654)	(44.343.877.381)	(131.897.727)
9	Thuế TNDN đã nộp	15	(1.493.358.769)	(1.255.982.414)	237.376.355
10	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	76.599.015.216	50.465.491.148	(26.133.524.068)
11	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(10.091.382.273)	(1.318.655.000)	8.772.727.273
12	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.915.000.000	2.689.662.156	(225.337.844)
13	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.821.985		(10.821.985)
14	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.165.560.288)	1.371.007.156	8.536.567.444
15	Tiền thu từ đi vay	33	503.517.022.942	557.935.412.132	54.418.389.190
16	Tiền trả nợ gốc vay	34	(591.925.327.396)	(625.270.121.704)	(33.344.794.308)
17	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(6.798.096.586)	(10.274.734.844)	(3.476.638.258)
18	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(95.206.401.040)	(77.609.444.416)	17.596.956.624

Nguyên nhân chênh lệch:

1. Chi tiêu 01 - Lợi nhuận trước thuế giảm 742.915.970 đồng, do Công ty trích bổ sung khấu hao tài sản cố định và hạch toán bổ sung tiền lãi chậm trả Bảo hiểm xã hội.
2. Chi tiêu 02 - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT tăng 384.863.143 đồng, do Công ty trích bổ sung khấu hao tài sản cố định.
3. Chi tiêu 03 - Các khoản dự phòng giảm 726.147.490 đồng, Công ty điều chỉnh lại theo ý kiến của Kiểm toán độc lập.
4. Chi tiêu 05 - Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư giảm 2.609.536.986 đồng, Công ty điều chỉnh lại theo ý kiến của Kiểm toán độc lập.

5. Chỉ tiêu 08 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động giảm 3.693.737.303 đồng, Các khoản điều chỉnh trên làm ảnh hưởng đến việc giảm tại Chỉ tiêu 08.

6. Chỉ tiêu 09 - Tăng giảm các khoản phải thu: Giảm 2.927.161.433 đồng, Công ty tính toán lại theo ý kiến của Kiểm toán độc lập.

7. Chỉ tiêu 11 - Tăng giảm các khoản phải trả: Giảm 19.618.103.960 đồng, Công ty tính toán lại theo ý kiến của Kiểm toán độc lập.

8. Chỉ tiêu 14 - Tiền lãi vay đã trả: Giảm 131.897.727 đồng, Công ty tính toán lại theo ý kiến của Kiểm toán độc lập.

9. Chỉ tiêu 15 - Thuế TNDN đã nộp: Tăng 237.376.355 đồng, Công ty tính toán lại theo ý kiến của Kiểm toán độc lập.

10. Chỉ tiêu 20 - Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh: Giảm 26.133.524.068 đồng, do các khoản điều chỉnh trên làm ảnh hưởng đến Chỉ tiêu 20.

11. Chỉ tiêu 21 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác tăng 8.772.727.273 đồng: Do khi lập báo cáo đơn vị đã tính cả khoản tiền nợ thuê tài chính cho cả khoản đầu tư tài sản thuê tài chính, nên kiểm toán độc lập điều chỉnh lại.

12. Chỉ tiêu 22 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác giảm 225.337.844 đồng, Đơn vị tính toán lại theo ý kiến của Kiểm toán độc lập.

13. Chỉ tiêu 27 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia: Chênh lệch giảm 10.821.985 đồng, Đơn vị tính toán lại theo ý kiến của Kiểm toán độc lập.

14. Chỉ tiêu 30 - Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư tăng 8.536.567.444 đồng, do điều chỉnh lại các Chỉ tiêu 21, 22 và Chỉ tiêu 27 làm ảnh hưởng đến Chỉ tiêu 30.

15. Chỉ tiêu 33 - Tiền thu từ đi vay tăng; Chỉ tiêu 34 - Tiền trả nợ gốc vay giảm và Chỉ tiêu 35 - Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính giảm: Do Kiểm toán độc lập xác định bổ sung các khoản vay khác hạch toán điều chỉnh từ Mục Phải trả ngắn hạn khác (Trên Bảng cân đối kế toán) sang Mục Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Trên Bảng cân đối kế toán).

16. Chỉ tiêu 40 - Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính tăng: Do điều chỉnh lại các Chỉ tiêu 33, 34 và Chỉ tiêu 35 nên làm ảnh hưởng đến Chỉ tiêu 40.

1. Lợi nhuận năm 2020 giảm hơn 10% so với năm 2019:

Một số chỉ tiêu năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ
A	B	1	2	3=2/1
1	Tổng doanh thu	826.442.998.429	625.708.559.123	76%
2	Tổng chi phí	819.213.505.395	623.355.924.355	76%
3	Lợi nhuận trước thuế	7.229.493.034	2.352.634.768	33%
4	Lợi nhuận sau thuế	5.654.041.089	1.575.170.177	28%

Ban lãnh đạo điều hành Công ty thường xuyên chỉ đạo sát sao nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong công tác nghiệm thu thanh toán và thu tiền về tài khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 giảm 72% so với năm 2019, nguyên nhân do:

+ Trong năm 2020 các Công trình lớn Công ty thi công đã đi vào giai đoạn hoàn thiện bàn giao cho Chủ đầu tư như Gói thầu XL2 Công trình nhà Quốc Hội, các công thủy điện Huội Quảng, thủy điện Nậm Ban 1, thủy điện Sừ Pán 1, thủy điện Đồng Nai 5, thủy điện Sông Chò 2, thủy điện Xekaman 3 và Xekaman 1 - Sanxay tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân Dân Lào, Công trình Nhà ở Tái định cư X2 - Đại Kim tại Hà Nội,... công tác nghiệm thu thanh toán không đạt tiến độ đề ra nên giá trị dở dang lớn, các khoản công nợ chờ quyết toán và chờ bảo hành tăng lên làm ảnh hưởng đến nguồn vốn, phát sinh tăng chi phí tài chính của Công ty.

+ Phát sinh chi phí ban đầu do di chuyển lực lượng thi công, máy móc thiết bị để triển khai thi công Công trình thủy điện Hạ Sê Kông và Công trình thủy điện Nậm Mô tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

+ Do ảnh hưởng của dịch Covid - 19, việc giãn cách xã hội ảnh hưởng rất lớn tới công tác nghiệm thu thanh toán và thu tiền về tài khoản tại các công trình.

+ Ngoài ra, Công ty chủ yếu thi công các công trình đấu thầu có biên lợi nhuận thấp hơn các công trình chỉ định thầu trước đây.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu TCKT, VP.

NGƯỜI ĐƯỢC UQ CBTT



Trần Ngọc Ánh